

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **183/2025/HC-PT**

Ngày: 28/11/2025

V/v: “*Kiến quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 22/2025/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 96/2025/HC-ST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43a/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông **Vương Văn K**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: **thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk).**

Người đại diện theo uỷ quyền: ông **Phạm Hữu H**, sinh năm 1997; địa chỉ: **số E Q, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh);** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thanh B, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị H1, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Công ty TNHH MTV L1; địa chỉ: số B N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Phi T, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

* Người kháng cáo: người khởi kiện ông Vương Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông Phạm Hữu H trình bày:**

Ngày 14/6/2024, ông Vương Văn K nhận được Phương án, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C đối với các thửa đất số 76, 75, 62, 57, 44, 27 tờ bản đồ số 9 thuộc thôn F, xã C, huyện E mà hộ ông K đang sử dụng. Tuy nhiên ông K không đồng ý với các quyết định trên và đề nghị Tòa án xem xét:

Thứ nhất, đề nghị hủy bỏ dự án thu hồi đất để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với các thửa đất của ông K. Vì diện tích đất trên do ông K khai phá, canh tác ổn định và là nguồn thu thập chính của gia đình nên việc thu hồi đất của ông K để giao cho người nơi khác đến canh tác là không hợp lý. Việc thu hồi này khiến gia đình ông K lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn trong việc ổn định cuộc sống và canh tác.

Thứ hai, nếu thu hồi các thửa đất trên thì phải bồi thường cho gia đình ông K theo quy định pháp luật, vì ông K theo bố là Vương Văn L (đã mất năm 2013) chuyển vào xã C vào năm 1996, sau đó khai phá các thửa đất trên và canh tác vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Đến năm 2005 thì ông L cho ông K để tiếp tục sử dụng đất (việc tặng cho không được lập thành văn bản). Việc khai phá và sử dụng đất ổn định của gia đình ông K được minh chứng cụ thể qua việc trên đất hiện nay đang có: 42 cây điều trồng năm 1998, 327 cây cà phê trồng năm 2000, 34 cây điều trồng vào năm 2000 và nhiều cây trồng khác, được cơ quan chức năng và cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác định có nhiều cây trồng được xếp loại A. Bên cạnh đó, việc khai phá đất và sử dụng ổn định lâu dài của gia

đình ông K còn được trưởng thôn, phó thôn, bí thư chi bộ các thời kỳ làm chứng, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính. Do đó khi nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề cho hộ ông K theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể cả có việc lấn chiếm thì:

+ Căn cứ vào khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang được sử dụng.

+ Tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai đã quy định một trong những điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Luật này mà chưa được cấp.

+ Tại điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã quy định: trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N, lâm nghiệp và nay đang sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở; không có tranh chấp và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp thửa đất có nhà ở thì diện tích đất ở được công nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; phần diện tích đất đang sử dụng được xác định là đất nông nghiệp thì được công nhận quyền sử dụng đất theo chế độ như quy định đối với trường hợp tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Do vậy, đối với trường hợp các hộ dân lấn, chiếm sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất.

+ Căn cứ vào khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định “Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất” nên khi nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất phải bồi thường theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai.

+ Một số tài sản trên đất được gia đình ông K tạo lập sau năm 2013 đề nghị cơ quan chức năng bồi thường các tài sản này vì gia đình ông không nhận được Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E nên không biết đất bị thu hồi. Ngoài ra, căn cứ khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai thì sau 03 năm kể từ khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện đã được công bố mà chưa có quyết định thu hồi đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người dân không bị hạn chế quyền tạo lập tài sản. Do đó các tài sản được tạo lập sau năm 2013 của ông K cũng phải được bồi thường.

Tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 về việc thu hồi đất, Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất thì ông K không được bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mà cho rằng hộ ông K lấn chiếm đất vào năm 2009 nên chỉ được hỗ trợ 50% về đất, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất với tổng giá trị là 139.731.158 đồng.

Vì vậy, ông K khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy một phần Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E đối với hộ ông Vương Văn K;

2. Hủy một phần Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E đối với hộ ông Vương Văn K;

3. Buộc Ủy ban nhân dân huyện E bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định pháp luật cho hộ ông Vương Văn K.

*** Tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E trình bày:**

I. Về nội dung yêu cầu buộc bồi thường về đất:

1. Về nguồn gốc đất:

Căn cứ theo xác nhận số 89/GXN-UBND ngày 17/01/2023 của UBND xã C xác nhận đối với hộ ông Vương Văn K thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của tất cả các hộ gia đình có nguồn gốc lần, chiếm đất do UBND tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L1 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686m² đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Theo đó, thời điểm sử dụng đất ổn định từ năm 2009.

2. Căn cứ bồi thường về đất:

Theo Điều 82 của Luật Đất đai quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất bao gồm:

“1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;

2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này”.

Tại Điều 64 của Luật Đất đai quy định về thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm các trường hợp:

“a) Sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm;

b) Người sử dụng đất cố ý hủy hoại đất;

c) Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền;

d) Đất không được chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của Luật này mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho;

đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

e) Đất không được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này mà người sử dụng đất do thiếu trách nhiệm để bị lấn, chiếm;

g) Người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành;

h) Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục;

i) Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử

dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng”.

Đất của hộ ông **Vương Văn K** đang sử dụng thuộc điểm đ khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai nên không được bồi thường về đất.

II. Về nội dung buộc bồi thường tài sản gắn liền với đất

Căn cứ Điều 92 của Luật Đất đai quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất bao gồm:

“1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này;

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng”.

Tài sản gắn liền với đất của hộ ông **Vương Văn K** thuộc khoản 1 Điều 92 của Luật Đất đai nên không được bồi thường.

III. Về nội dung buộc hỗ trợ ổn định đời sống:

Căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP:

“2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại các Điều 100, 101 và 102 của Luật Đất đai, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất”.

Diện tích đất thu hồi của hộ ông **Vương Văn K** có nguồn gốc lấn, chiếm đất của **Công ty TNHH MTV L1**, không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

IV. Về nội dung buộc hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định:

“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương;

b) Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương”.

Trong đó các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 của Nghị định:

“a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp khi thực hiện các nghị định gồm: Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và bổ sung việc giao đất làm muối cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài; Nghị định số 02/CP ngày 15 tháng 01 năm 1994 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai và khoản 1 Điều 54 của Luật đất đai;

b) Nhân khẩu nông nghiệp trong hộ gia đình quy định tại điểm a khoản này nhưng phát sinh sau thời điểm giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình đó;

c) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản này đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó;

d) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ

mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp;

đ) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;

*e) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của **tập đoàn S, hợp tác xã N1** đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;*

g) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất”.

Diện tích đất thu hồi của hộ ông **Vương Văn K** không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

Từ các nhận định và căn cứ nêu trên, việc ông **Vương Văn K** buộc **UBND huyện E** ban hành Quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có căn cứ.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị H1:** thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông **Vương Văn K**.

*** Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV L1 trình bày:**

I. Về trình tự, thủ tục chia sẻ thông tin thửa đất: Công ty đã thực hiện đúng, đủ theo quy định pháp luật.

II. Về việc chia sẻ thông tin về đất, tài sản gắn liền với đất.

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của **UBND tỉnh Đ** về việc cho **Công ty L1** thuê 137.935.686m² đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp;

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM 204409 ngày 18/7/2008 của **UBND tỉnh Đ**;

Căn cứ Công văn số: 8668/UBND-NNMT ngày 24/9/2022 về việc thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng dự án **Hồ C**; Công văn số 9601/UBND-NNMT ngày 07/11/2022 của **UBND tỉnh Đ** về công tác giải phóng mặt bằng dự án **Hồ C** trên địa bàn **huyện E**; Công văn số 02/Cty ngày 11/01/2023 về việc cung cấp thông tin phục vụ công tác bồi thường, GPMB công trình khu Tái định canh số 1 (Khu trồng màu) thuộc dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng lần 1 theo Công văn số 187 ngày 06/12/2023 của **UBND xã C**;

Về việc hộ gia đình lấn chiếm đất để sản xuất nông nghiệp Công ty căn cứ các hồ sơ liên quan hiện có tại Công ty và Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của **UBND tỉnh Đ**, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM204409 ngày 18/7/2008. Về việc nhắc nhở, báo cáo sự việc phía Công ty chưa thiết lập hồ sơ xử lý và lưu trữ tại Công ty, phần diện tích này năm 2018 Công ty đã rà soát và dự kiến trả về địa phương quản lý. Công ty đã phối hợp với các ban ngành và **UBND xã C** về việc chia sẻ thông tin thửa đất cũng như kết hợp xác minh thời điểm sử dụng đất đối với các thửa đất trên.

Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của hộ ông **K**.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 96/2025/HC-ST ngày 22/7/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 4 Điều 59; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; các điều 62, 64, 66, 67, 69, 75, 77, 82, 84, 92 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Điều 19, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Vương Văn K:**

[1.1] Chấp nhận việc hủy một phần Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước **Krông Pách T1** tại **xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** đối với hộ ông **Vương Văn K**;

[1.2] Chấp nhận việc hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E** về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước **Krông Pách T1** đối với hộ ông **Vương Văn K**;

[1.3] Buộc Chủ tịch **Ủy ban nhân dân xã E**, tỉnh Đắk Lắk là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của **Ủy ban nhân dân huyện E**, tỉnh Đắk Lắk phải phê duyệt lại phương án hỗ trợ về đất đối với các thửa đất số 57, 62, 75, 91, tờ bản đồ số 09; hỗ trợ vật kiến

trúc trên đất và cây trồng trên các thửa đất số 57, 62, 75, 91 (trừ cây lúa nước) cho hộ ông **Vương Văn K** (kể cả tài sản tạo lập sau thông báo thu hồi đất) theo quy định pháp luật.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Vương Văn K** về việc:

[2.1] Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E** về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước **Krông Pách T1** tại **xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** đối với hộ ông **Vương Văn K**;

[2.2] Bác yêu cầu buộc **Ủy ban nhân dân huyện E** bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông **Vương Văn K**.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/8/2025, người khởi kiện ông **Vương Văn K** kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về bồi thường toàn bộ về đất, bồi thường về tài sản, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện vắng mặt, xin xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Vương Văn K**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: ngày 05/8/2025, người khởi kiện ông **Vương Văn K** kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

Ông **Vương Văn K** khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước **Không Pách T1** tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; hủy một phần Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông **Vương Văn K** và buộc Ủy ban nhân dân huyện E bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông **Vương Văn K**. Ngày 11/12/2024, ông **K** nộp đơn khởi kiện và trình bày ông nhận được các quyết định trên vào ngày 14/6/2024. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét nguồn gốc diện tích đất người khởi kiện bị thu hồi:

Hộ ông **Vương Văn K** bị thu hồi các thửa đất, cụ thể: thửa đất số 91 diện tích 4.503,5m² (một phần của thửa đất số 27), thửa đất số 44 diện tích 259,3m², thửa đất số 57 diện tích 563,2m², thửa đất số 62 diện tích 552,7m², thửa đất số 75 diện tích 6.136,5m², thửa đất số 76 diện tích 605,9m² đều thuộc tờ bản đồ số 09, xã C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện cho rằng nguồn gốc các thửa đất bị thu hồi là do ông **Vương Văn L** (cha ruột ông **K**) khai hoang từ năm 1996, đến năm 2005 thì tặng cho ông **K**, ông **K** sử dụng ổn định, liên tục cho đến nay. Tuy nhiên, ông **K** không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cha ông khai hoang đất và cho đất, đồng thời nội dung này không được chính quyền địa phương xác nhận, ông **K** chưa được cấp giấy CNQSD đất.

Tại các Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 89/GXN-UBND ngày 17/01/2023 (BL 30) và số 10/GXN-UBND ngày 26/8/2024 (BL 68), UBND xã C xác định các thửa đất số 91, 44, 57, 62, 75, 76 hộ ông **Vương Văn K** đang sử dụng có nguồn gốc lần chiếm của Công ty L1, đồng thời xác định hộ ông **K** là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên các thửa đất này, trong đó thửa đất số 57, 62 hộ ông **K** lần chiếm, sử dụng từ tháng 3/2004; thửa đất số 91 lần chiếm, sử dụng từ năm 2005; một phần diện tích 3.834,5m² thửa đất số 75 lần chiếm, sử dụng từ năm 2005 và một phần diện tích 2.302m² thửa đất số 75 lần chiếm, sử dụng từ năm 2009; thửa đất số 76 lần chiếm, sử dụng từ năm 2009; (không có thông tin về thửa đất số 44).

Tại Công văn số 02 ngày 11/01/2023 (BL 120,121), Công ty L1 xác định thời điểm hộ ông K lần chiếm các thửa đất là năm 2009, thời điểm tạo lập tài sản trên đất Công ty không xác định được, đồng thời ghi chú nội dung trường hợp hộ gia đình chứng minh được thời điểm lần chiếm, canh tác đất trước năm 2009 Công ty sẽ căn cứ hồ sơ và các ban ngành liên quan để xác minh làm rõ thời điểm lần chiếm, canh tác cho hộ gia đình.

Tại Biên bản kiểm tra, đánh giá, xác định về thời điểm trồng cây, độ tuổi và chất lượng cây trồng ngày 15/11/2022 (BL 106-107), Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, UBND xã C, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện E, Công ty L1 xác định trên thửa đất số 27 (trong đó có thửa 91) có 42 cây điều và 02 cây mít trồng năm 2004, trên thửa đất số 75 có 34 cây điều trồng năm 2004.

Như vậy, có căn cứ xác định, hộ ông Vương Văn K đã sử dụng ổn định, liên tục diện tích các thửa đất số 57, 62, 75, 91 từ trước ngày 01/7/2004, các thửa đất 76, 44 sử dụng từ năm 2009 đến khi bị thu hồi, không có ai tranh chấp. Việc hộ ông K sử dụng diện tích đất bị thu hồi do lần chiếm mà không bị xử phạt vi phạm hành chính là do sự thiếu quản lý của các cơ quan có thẩm quyền.

[2.2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét các nội dung sau:

[2.2.1]. Đối với yêu cầu bồi thường về đất và tài sản trên diện tích đất bị thu hồi:

Diện tích đất hộ ông Vương Văn K bị thu hồi được xác định có nguồn gốc do lần chiếm của Công ty L1 được nhà nước giao để quản lý nên UBND huyện E không bồi thường về đất cho hộ ông K là đúng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 64 và khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai 2013, ông Vương Văn K yêu cầu được bồi thường về đất là không có căn cứ chấp nhận. Xét thấy, các thửa đất ông K lần chiếm và sử dụng từ năm 2004 đến năm 2009, và hiện đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp nên UBND huyện E đề nghị UBND tỉnh Đ xem xét hỗ trợ về đất cho các hộ dân trong đó có hộ ông K và được phê duyệt tại Quyết định số 461 là thỏa đáng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Tuy nhiên, việc UBND huyện E xác định tất cả thửa đất hộ ông K bị thu hồi đều có thời điểm sử dụng từ năm 2009 nên chỉ hỗ trợ 50% là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ ông K. Thực tế, các thửa đất số 57, 62, 75, 91 gia đình ông K sử dụng từ tháng 3/2004 nên khi bị thu hồi phải được hỗ trợ 80%; các thửa đất số 76, 44 sử dụng từ năm 2009 nên được hỗ trợ 50%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, buộc UBND huyện E phê duyệt lại phương án hỗ trợ về đất đối với các thửa đất số 57, 62, 75, 91 theo hướng hỗ trợ

80% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định đối với hộ ông K là có căn cứ, đúng quy định.

Tại Giấy xác nhận số 89/GXN-UBND ngày 17/01/2023, UBND xã C không xác định được tài sản gia đình ông K tạo lập trên đất bị thu hồi; Giấy xác nhận số 10/GXN-UBND ngày 26/8/2024 xác định hộ ông K xây dựng chòi trồng rẫy trên thửa đất số 75 và 03 ao nước trên thửa đất số 91, thời điểm tạo lập chòi rẫy là năm 2008, thời điểm tạo lập ao là năm 2016. Tuy nhiên, trong phương án bồi thường, UBND huyện E không bồi thường chòi trồng rẫy cho ông K và xác định 01 ao tạo lập năm 2016 là tạo lập sau khi có Thông báo thu hồi đất nên xác định ao này không được bồi thường, 02 ao tạo lập năm 2009 được hỗ trợ 60% là chưa đúng. Hộ ông K chưa nhận được Thông báo thu hồi đất từ cơ quan có thẩm quyền, trong khi đó người bị kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện đã giao hoặc niêm yết cho hộ ông K biết việc thu hồi đất. Mặt khác, tại Biên bản về việc kiểm tra, thống kê, kiểm đếm lại các thửa đất ngày 26/6/2024, ông K xác định 01 cái ao nằm trên thửa đất 91 có diện tích 181,2m², sâu 2m được tạo lập năm 2016 hiện gia đình ông sử dụng, 02 cái ao còn lại là của hộ ông Vương Văn K hiện ông Vương Văn P đang sử dụng.

Tương tự như đối với vật kiến trúc trên đất, đối với các cây trồng được hộ ông K trồng sau khi có Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 và thời điểm tạo lập các tài sản này hộ ông K không bị cản trở, xử phạt hành chính nên phải được hỗ trợ theo quy định. Do xác định thời điểm sử dụng đất của hộ ông K là năm 2009 nên UBND huyện E chỉ hỗ trợ cây trồng trên đất bằng 60%. Sau khi xác định lại thời điểm sử dụng đất của các thửa đất số 57, 62, 75, 91 là tháng 3/2004, Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND huyện E xem xét lại mức hỗ trợ đối với cây trồng trên các thửa đất này bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành là phù hợp. Đối với cây lúa nước trên thửa đất số 57, 62, thời điểm kiểm đếm tháng 10/2022 đang có hạt non, đến tháng 02/2023 mới có phương án bồi thường, hộ ông K đã thu hoạch nên không được hỗ trợ là đúng quy định.

Do hộ ông K không được bồi thường về đất nên cũng không thuộc trường hợp được bồi thường tài sản trên đất. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện, buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải phê duyệt lại phương án hỗ trợ về đất đối với các thửa đất số 57, 62, 75, 91, tờ bản đồ số 09; hỗ trợ vật kiến trúc trên đất và cây trồng trên các thửa đất số 57, 62, 75, 91 (trừ cây lúa nước) cho hộ ông Vương Văn K (kể cả tài sản tạo lập sau thông báo thu hồi đất) theo quy định pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2.2]. Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Theo quy định tại các Điều 75, Điều 82 Luật đất đai năm 2013 và như nhận định tại mục **[2.2.1]** nêu trên của bản án, đất của ông Vương Văn K không đủ điều kiện

được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì hộ ông K được hỗ trợ 80% giá đất đối với các thửa đất số 57, 62, 75, 91 và 50% đối với thửa đất số 76, 44.

Như vậy, hộ ông K không được bồi thường về đất bị thu hồi mà chỉ được hỗ trợ về giá đất nên không đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông K là đúng quy định, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông **Vương Văn K**.

[3]. Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện vụ án; nhận định và đánh giá chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông **Vương Văn K** mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: ông **Vương Văn K** là người dân tộc thiểu số nên được miễn.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông **Vương Văn K**. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 96/2025/HC-ST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông **Vương Văn K** được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên